TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 251/2017/DS-PT
Ngày: 25 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tòng**

Các thẩm phán: Ông **Lâm Văn Be**

Ông **Nguyễn Văn Son.**

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thanh Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:** Bà **Đặng Thị Châu**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2017/TLPT – DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2017/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Hẻm 33, đường X, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lã Thị Kim T**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Đường T, tổ 14, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Hẻm 23, đường H, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Hương N**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 6, đường V, khu phố 5, phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 01 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà với bà T, ông H không có quan hệ họ hàng, bà chơi thân với bà T, ông H hơn 10 năm nay. Ông H, bà T có dịch vụ cầm đồ "Thái" tại nhà nên bà cho bà T, ông H vay tiền của bà nhiều lần để kinh doanh. Khi ông H, bà T có người đến tiệm cầm đồ vay tiền thì gọi điện cho bà. Nếu bà có tiền thì bà cầm tiền sang nhà giao cho ông H, bà T vay. Bà và bà T, ông H bắt đầu quan hệ vay mượn với nhau khoảng từ năm 2010 cho đến năm 2016. Những khoản tiền bà cho bà T, ông H vay đã trả xong thì giấy mượn tiền bà T tự gạch bỏ hoặc bà T ghi đã trả xong. Hiện nay bà T, ông H đang nợ bà những khoản tiền có giấy nợ cụ thể:

- Ngày 11/5/2011, bà T, ông H vay số tiền 230.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng, còn thiếu lại 130.000.000 đồng.

- Ngày 01/6/2011, bà T, ông H vay số tiền 60.000.000 đồng.

- Ngày 01/9/2011, bà T, ông H vay số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 8/6/2012, bà T, ông H vay số tiền 150.000.000 đồng.

- Ngày 10/10/2012, bà T, ông H vay số tiền 250.000.000 đồng.

- Ngày 07/01/2013, bà T, ông H vay số tiền 350.000.000 đồng.

- Ngày 20/10/2013, bà T, ông H vay số tiền 600.000.000 đồng.

- Ngày 01/01/2015, bà T, ông H vay số tiền 2.160.000.000 đồng (số tiền này bà đưa nhiều lần nhưng bà T ghi gộp vào một giấy nợ).

- Ngày 25/6/2015, bà T, ông H vay số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 02/7/2015, bà T, ông H vay số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 09/02/2015, bà T, ông H vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 16/3/2016, bà T, ông H vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà T, ông H vay theo các giấy nợ bà đang giữ là 4.670.000.000 (bốn tỷ sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

Ngày 05/5/2016, bà T vay không có giấy tờ là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 24K 9999.

Các khoản tiền vay không thỏa thuận thời gian trả tiền, chỉ nói miệng khi nào cần báo trước một tháng. Cuối năm 2015, bà báo cho bà T, ông H trả các khoản nợ thì bà T, ông H không trả.

Bà yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 4.670.000.000 đồng. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 24K 9999. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng không có giấy mà bà cho bà T vay ngày 05/5/2016. Đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật. Nếu lãi suất bà đã nhận của bà T, ông H vượt quá quy định bà đồng ý trừ vào tiền gốc.

- Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lã Thị Kim T trình bày:

Bà có vay tiền bà A khoảng từ năm 2010 cho đến năm 2016. Bà vay tiền bà A để cho bà Nguyễn Hương N vay đáo hạn Ngân hàng, lấy lãi hưởng chênh lệch. Số tiền bà vay bà A không sử dụng vào mục đích kinh doanh của tiệm cầm đồ Thái. Bà vay bà A nhiều lần nhưng đã trả và hiện nay chỉ còn nợ tổng cộng là 3.300.000.000 (ba tỷ ba trăm triệu) đồng. Số tiền này là nợ riêng bà thiếu bà A, không liên quan đến ông H. Quan hệ vay mượn giữa bà, bà A, bà N không liên quan đến ông H. Vì vậy, đề nghị Tòa án không buộc ông H trả số tiền này cho bà A.

Trước đây bà và bà A, bà N có thỏa thuận số tiền bà thiếu bà A sẽ chuyển nợ cho bà N. Bà N có trách nhiệm trả cho bà A 3.300.000.000 (ba tỷ ba trăm triệu) đồng. Như vậy, hiện nay bà không còn thiếu bà A khoản tiền 3.300.000.000 (ba tỷ ba trăm triệu) đồng.

Đối với sợi dây chuyền bà A đưa cho bà N mượn, bà không mượn. Bà N là người đi thế chấp tại tiệm cầm đồ Kim Phú nhưng bà N ghi tên bà. Lý do bà N viết tên bà vì trong đó bà A cho bà N mượn 01 nhẫn kim cương và 02 nhẫn vàng 18K. Bà N nhờ bà đứng tên thế chấp tại tiệm cầm đồ Kim Phú trong đó có cả sợi dây chuyền bà A cho bà N mượn. Bà không đồng ý trả cho bà A số vàng 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 24K 9999 như bà A khởi kiện.

Tất cả các giấy nợ bà A cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên. Khi vay tiền không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn, chỉ nói miệng khi nào cần thì báo trước thời gian khoảng 01 tháng. Các khoản nợ năm 2011, bà đã thanh toán xong cho bà A. Nhưng do tin tưởng nhau và coi như chị em trong nhà nên bà không lấy lại giấy nợ và cũng không lập biên bản giao nhận tiền. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

- Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông là chồng của bà T. Ông và bà T đã thuận tình ly hôn ngày 20/6/2017.

Ông không quen biết bà A.Việc vay mượn tiền giữa bà A, bà T ông hoàn toàn không biết, ông không vay tiền bà A. Nếu ông có vay tiền thì phải có giấy tờ ông ký tên. Ông không nhận tiền từ Ngân hàng do bà A giao. Nếu bà T có mượn tiền của bà A thì bà T sử dụng mục đích riêng của bà T, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Hương N trình bày:

Bà quen biết và có vay tiền của bà T, ông H từ năm 2009. Bà gặp bà A tại nhà bà T, ông H nhiều lần nên mới biết nhau. Bà không vay mượn tiền của bà A. Từ năm 2011 đến năm 2015, bà đã vay bà T, ông H rất nhiều lần. Khoảng tháng 8/2015, bà không còn khả năng thanh toán tiền cho mọi người nên bị đổ nợ. Sau khi bà bị đổ nợ thì bà, bà T có đến nhà bà A thỏa thuận cấn trừ nợ cho nhau, không lập biên bản. Bà viết cho bà A giấy nợ 3.300.000.000 (ba tỷ ba trăm triệu) đồng nhưng bà A không đồng ý nên đã trả lại giấy nợ cho bà. Giấy nợ bà đã để thất lạc không cung cấp được cho Tòa án.

Ngày 05/5/2016, bà cần tiền nên đến nhà bà T để vay tiền. Bà T không có tiền nên bà và bà T đã đến nhà bà A để vay tiền. Bà A cũng không có tiền nên đưa cho bà T mượn dây chuyền vàng khoảng gần 6 chỉ vàng 24K 9999. Bà T và bà đã thế chấp dây chuyền bà T mượn của bà A cùng với các nhẫn vàng của bà T ra tiệm vàng Kim Phú cầm lấy số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng đưa cho bà vay. Số nợ này bà và bà T đã tính toán ở khoản nợ vay khác. Bà xác định bà không có mượn vàng của bà A. Bà T là người đã mượn vàng của bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 104/2017/DS - ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 256, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 4.615.675.000 (bốn tỷ sáu trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Buộc bà Lã Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 24K.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Đương sự được quyền khởi kiện lại một phần vụ án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2017, bị đơn bà Lã Thị Kim T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét những vấn đề sau:

- Xác định lại số nợ vay là 3,3 tỷ đồng, không phải là 4,6 tỷ đồng.

- Xác định trách nhiệm thanh toán nợ và buộc bà Nguyễn Hương N là người có trách nhiệm trả nợ cho bà A, không buộc bà và ông H phải trả nợ cho bà A.

- Xác định trách nhiệm trả số vàng 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 9999 là bà N trả cho bà A, không buộc bà trả.

Ngày 07/9/2017 ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản nợ mà bà A khởi kiện bà T là nợ riêng của bà T và không buộc ông có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà A.

Ngày 19/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm về phần án phí, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lã Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy :

[1] Về tố tụng: Ngày 25/10/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 23/11/2017. Ngày 22/11/2017 ông Nguyễn Văn H và bà Lã Thị Kim T có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ông bà về quê ở miền Bắc giải quyết khó khăn gia đình. Do có đơn xin hoãn lần thứ nhất nên tòa án quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại ngày xét xử là ngày 25/12/2017. Bà T đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt xem như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lã Thị Kim T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà Nguyễn Ngọc A thì thấy rằng: Số tiền nợ 4.670.000.000 đồng bà T vay bà A trong khoảng thời gian từ năm 2011 - 2016. Trong thời gian này bà T và ông H vẫn còn là vợ chồng. Bà T và ông H ly hôn ngày 20/6/2017. Do đó, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà T vay để thực hiên việc kinh doanh của gia đình, cho vay lấy lãi, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, theo lời khai của các nhân chứng (bút lục 190, 189, 184, 182) đều xác định có biết việc bà A cho bà T và ông H vay tiền. Bà N cũng thừa nhận có vay khoản tiền của bà T, ông H, số tiền vày này có nguồn gốc từ bà A cho bà T, ông H vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà A là phù hợp, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí thì thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.324.930.000 đồng. Bà A đã nhận tiền lãi của bà T là 1.379.255.000 đồng. Như vậy số tiền lãi bà A đã nhận vượt quá quy định là 54.325.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bà A đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào tiền nợ gốc đồng nghĩa với việc bà A không có yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 54.325.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 18 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà A chịu tiền án phí sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 256, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lã Thị Kim T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 4.615.675.000 (bốn tỷ sáu trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Buộc bà Lã Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A 05 chỉ 09 phân 07 ly vàng 24K 9999.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Đương sự được quyền khởi kiện lại một phần vụ án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H phải chịu 112.616.000 (một trăm mười hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lã Thị Kim T phải chịu 1.030.000 (một triệu không trăm ba mươi ngàn) đồng án phí trả lại vàng cho bà A.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.254.000 (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn) đồng tại biên lai thu số 0003594 ngày 28/12/2016 và 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tại biên lai thu số 0003619 ngày 10/01/2017.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng của bà Lã Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004474 ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004478 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng